

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/8/2025 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-85cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống theo triều. Mực nước cao nhất ngày 04/08 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 từ 20-50cm, cao hơn TBNN từ 5-15cm. Mực nước thấp nhất ngày 04/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-45cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/08 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-30cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn lên theo triều biển Tây. Mực nước cao nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-20cm, mực nước thấp nhất ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN khoảng 5cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên dần trong những ngày tới, biên độ nước lên trung bình từ 5-7cm/ngày.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước lên nhanh theo xu thế triều biển Đông.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong 1-2 ngày đầu, sau lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây trong 5 ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 6/8/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 04/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			05/8	06/8	07/8	08/8	09/8	05/8	06/8	07/8	08/8	09/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	230	63	13	253	23	4	256	264	270	274	275	232	236	242	250	256
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	135	45	30	184	-19	13	187	195	203	208	210	133	134	142	148	154
Hậu	Khánh An	420	470	520	373	56	87	376	48	75	377	380	383	388	393	374	377	380	384	389
	Châu Đốc	300	350	400	174	31	11	205	-25	0	208	216	222	226	227	172	176	184	192	198
	Long Xuyên	190	220	250	74	16	20	153	-48	-1	162	174	182	187	189	71	72	74	80	86
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	143	43	21	187	-22	5	190	198	206	211	213	141	142	144	150	156
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	112	19	19	114	2	-21	115	116	118	120	122	113	114	116	118	120
	Vĩnh Gia	200	240	280	51	-2	-7	58	-18	-6	56	55	57	59	61	48	47	48	50	52
	Vĩnh Điều	170	200	230	51	4	-9	61	-14	-15	59	58	60	62	64	48	47	48	50	52
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	48	-8	-14	58	-14	-13	56	55	57	59	61	45	44	45	47	49
T5	Nông Trường	160	190	220	57	-4	-7	62	-15	-12	59	58	58	60	62	54	52	52	54	56
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	94	11	-1	98	-4	-4	96	95	95	97	99	91	89	89	91	93
	Cô Tô	140	180	220	93	3	20	98	-5	21	95	94	94	96	98	90	88	88	90	92
	Nam Thái Sơn	90	120	150	59	-5	-	67	-8	-	64	63	63	65	67	56	54	54	56	58
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	53	-1	-9	59	-12	-10	56	55	55	57	59	50	48	48	50	52
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	104	5	23	110	-4	21	107	106	106	108	110	101	99	99	101	103
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	139	19	23	156	0	25	153	152	152	154	156	136	134	134	136	138
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	76	-11	-15	89	-22	-11	86	85	85	87	89	73	71	71	73	75
	Tân Thành	120	150	180	72	-3	1	80	-8	-1	77	76	76	78	80	69	67	67	69	71
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	55	-5	3	61	-11	0	58	57	57	59	61	52	50	50	52	54
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-9	4	3	37	-11	-8	38	41	43	45	47	-10	-11	-12	-13	-14
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-22	-4	1	46	-21	-8	48	52	57	65	74	-24	-27	-30	-36	-40

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





